

BIẾN ĐỔI KINH TẾ CỦA NGƯỜI HMÔNG Ở MIỀN TÂY NGHỆ AN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN TOÀN

1. Mở đầu

Tỉnh Nghệ An nằm ở trung tâm Bắc Trung Bộ, có 21 đơn vị hành chính trực thuộc; trong đó, khu vực miền Tây Nghệ An bao gồm 11 huyện, thị miền núi (ngoài ra, còn có 44 xã miền núi thuộc 6 huyện giáp ranh), là nơi sinh sống tập trung của đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS). Toàn vùng có diện tích tự nhiên là 13.749,28km², chiếm 83% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, tiếp giáp với các tỉnh Hòa Phấn, Xiêng Khoảng và Bô Ly Khăm Xay (Lào) với 419km đường biên giới. Đây là địa bàn xung yếu, có vị trí quan trọng về nhiều mặt ở Bắc Trung Bộ nước ta.

Miền Tây Nghệ An nằm trong khu vực thượng nguồn sông Cả, địa hình chủ yếu là đồi núi, có độ dốc lớn và bị chia cắt mạnh. Đất đai có độ dốc từ 8% trở lên chiếm gần 80% diện tích toàn tỉnh, đặc biệt có 38% diện tích đất có độ dốc lớn hơn 25%. Đặc điểm địa hình miền Tây Nghệ An là một trở ngại lớn cho giao thông, gây ra nhiều khó khăn đối với phát triển nông - lâm nghiệp và bảo vệ đất đai khỏi bị xói mòn. Khí hậu các huyện miền Tây có sự đa dạng, gồm nhiều tiểu vùng khác nhau.

Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, đồng bào các DTTS của Nghệ An có 422.089 người, chiếm 38% dân số trên địa

bàn miền núi và 15% dân số toàn tỉnh, gồm 5 dân tộc chính là: Thái, Thổ, Khơ-mú, Hmông, Ô-đu. Người Hmông ở Nghệ An có 28.992 người, riêng huyện Kỳ Sơn có 23.568 người, chiếm 81,3% dân số Hmông toàn tỉnh. Đồng bào Hmông cư trú xen kẽ với người Thái và Khơ-mú nhưng tập trung tại 92 bản, thuộc 20 xã của 3 huyện vùng cao miền Tây Nghệ An là: Kỳ Sơn (74 bản, 13 xã), Tương Dương (10 bản, 6 xã) và Quế Phong (8 bản, 1 xã). Địa bàn cư trú của người Hmông ở vùng cao Tây Nghệ An có nhiều tiểu vùng khí hậu, thời tiết tương đối mát mẻ. Đất đai ở vùng này tương đối tốt, tạo điều kiện để phát triển một nền nông nghiệp đa dạng. Tuy nhiên, do phương thức du canh mở kéo dài qua nhiều thập kỷ đã làm cho đất rừng thoái hóa ở nhiều nơi. Tài nguyên rừng ở vùng người Hmông cư trú bị suy giảm nặng nề.

Nhóm Hmông ở Nghệ An vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc di cư sang Việt Nam rồi qua Lào. Sau đó, một bộ phận từ các vùng Thượng Lào và Tây Bắc Việt Nam di cư đến miền Tây Nghệ An cách đây chừng khoảng 200 năm (Mạc Đường, 1964; Huyện ủy Kỳ Sơn, 1995; Hoàng Xuân Lương, 2000). Đa số người Hmông di cư từ Lào sang Nghệ An theo đường từ Xiêng Khoảng vào huyện Kỳ Sơn, một số từ Sầm Nưa (Hòa Phấn) đi sang Quế Phong, sau đó

vào Tương Dương và đi qua các xã Phà Nội, Mường Lống của huyện Kỳ Sơn. Nghiên cứu thực địa cho thấy, mối quan hệ đồng tộc giữa người Hmông ở Nghệ An với người Hmông ở Lào khá mật thiết về nhiều mặt trong lịch sử và hiện tại, trong khi ít thấy sự liên hệ của họ với đồng tộc ở miền núi phía Bắc Việt Nam. Ở Nghệ An, có hai ngành Hmông: Hmông Trắng (95%) và Hmông Hoa.

Trước đây, người Hmông ở miền Tây Nghệ An là những cư dân nông nghiệp du canh truyền thống. Nguồn sống chính của đồng bào dựa vào sản xuất nương rẫy trên đất dốc kết hợp với các hình thức sống dựa vào rừng. Rừng là môi trường sống và không gian sinh tồn của họ. Từ khi thực hiện định canh định cư (ĐCĐC) vào những thập kỷ 70, 80 của thế kỷ XX, đặc biệt là bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, kinh tế của người Hmông ở Tây Nghệ An đã có những đổi thay căn bản, từng bước hội nhập với nền kinh tế thị trường sản xuất hàng hóa, đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi... Nhờ đó, đời sống của người dân được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, những biến đổi trong đời sống kinh tế của dân tộc này đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Bài viết này chủ yếu dựa trên kết quả khảo sát ở huyện Kỳ Sơn và điều tra thực địa tại 67 hộ gia đình của hai bản định cư người Hmông là bản Sơn Hà (xã Tà Cạ) và bản Trường Sơn (xã Nậm Cắn).

2. Biến đổi trong hoạt động kinh tế của người Hmông ở miền Tây Nghệ An kể từ khi định canh định cư đến nay

Từ những cư dân thuần nương rẫy, sau mấy thập kỷ thực hiện ĐCĐC, đời sống kinh tế của người Hmông ở miền Tây Nghệ An đã có những thay đổi quan trọng, từ quan hệ

sở hữu đất rừng, các hoạt động sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp đến trao đổi, tiêu dùng.

2.1. Canh tác nương rẫy

Trong kinh tế truyền thống của người Hmông ở Tây Nghệ An, canh tác nương rẫy chiếm vị trí chủ đạo. Trong phạm vi làng bản, các gia đình quy tụ theo dòng họ và được tự do khai phá nương rẫy. Họ chỉ thuần canh tác nương rẫy trên đất dốc theo phương thức tương tự như bộ phận đồng tộc ở phía Bắc. Nhưng bà con sử dụng công cụ sản xuất chính là cuốc mà không dùng cày. Đồng bào thường khai thác nương rẫy liên tục đến kiệt màu rồi mới bỏ hóa để đi tìm đất mới và hầu như không quay trở lại canh tác. Đây là lối du canh mở, làm cho môi trường sinh thái bị tàn phá rất nhanh (Huyện ủy Kỳ Sơn, 1995, tr. 208).

Kể từ khi thực hiện ĐCĐC, đồng bào Hmông Nghệ An đã chuyển sang phương thức luân canh nương rẫy trên địa bàn quy hoạch của hợp tác xã và sau năm 1990 là phần đất rừng được giao của các hộ dân. Song, ở nhiều nơi trong các huyện, chính quyền mới giao đất rừng đến thôn bản, chưa tiến hành giao đất đến hộ. Vì thế, tình hình sử dụng đất nương rẫy ở các bản khảo sát khá đa dạng như: tự khai phá, được chính quyền giao, được gia đình chia hoặc đi thuê, mượn.

Hiện nay, đồng bào canh tác trên một đám rẫy 1 - 2 vụ tùy theo độ màu của đất rồi bỏ hóa 3 - 5 năm và quay vòng trở lại thay vì canh tác 4 - 5 vụ liên tục như trước. Bà con vẫn làm rẫy theo hướng chuyên canh, luân canh gối vụ cây trồng. Song, vòng quay nương rẫy nhanh làm đất đai ngày càng bạc màu, năng suất và sản lượng lúa rẫy sụt giảm

dân. Tại hai bản khảo sát, trước ĐCĐC, năng suất lúa rẫy là 1,8 tấn/ha thì nay chỉ còn 1,37 tấn/ha. Hiện đồng bào sử dụng cả cuốc và gậy chọc lỗ khi tra hạt. Việc dùng gậy chọc lỗ đã phân nào hạn chế độ rửa trôi lớp đất bề mặt và thể hiện khả năng thích ứng nhanh của đồng bào.

Những năm qua, cơ cấu cây trồng trên nương rẫy của đồng bào Hmông có sự thay đổi theo hướng tăng diện tích trồng rau màu và cây ăn quả. Một số giống mới và kỹ thuật trồng trọt được chính quyền đưa vào sản xuất như: ngô lai, sắn cao sản, lạc, đậu tương, mía, chuối, gừng, củ voi dùng cho chăn nuôi. Mặt khác, người dân đã chủ động chuyển đổi nhiều loại cây trồng. Ngoài cây lương thực, tỷ trọng cây ăn quả và các loại rau (chuối, su su, bí xanh, dưa chuột, mía, gừng...) được nhân dân trồng nhiều theo hướng sản xuất hàng hóa và tiêu thụ khá thuận lợi. Một vài hộ trong diện điều tra đã chuyển sang trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ. Người Hmông ở Nghệ An đã chấm dứt trồng cây thuốc phiện theo chương trình 06/CP của Chính phủ. Người dân được hỗ trợ chuyển đổi sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế khác như: ngô lai, mận Tam hoa, đào Úc, chè Tuyết Shan...

Tuy nhiên, áp lực dân số gia tăng và đất đai bạc màu làm cho diện tích nương rẫy không giảm đi như mong đợi. Ở xã Nậm Cắn, nơi người Hmông chiếm hơn 80% dân số, diện tích nương rẫy năm 2007 là 677,2ha đã tăng lên 1.025ha vào năm 2010. Tuy vậy, diện tích nương rẫy theo hộ gia đình lại giảm đi nhiều so với trước định cư. Vì thế, tình trạng thiếu đất sản xuất xảy ra phổ biến ở các bản, chiếm tới 79,1% số hộ điều tra; trong đó, số hộ phải đi thuê mượn thêm đất rẫy để canh tác ở trong và ngoài bản chiếm

57%. Gần đây, một số hộ người Hmông ở huyện Kỳ Sơn đã đem hạt giống và phân bón sang huyện Noọng Hét ở bên Lào để liên kết sản xuất nương rẫy với bà con đồng tộc và cùng chia sản phẩm khi thu hoạch. Người dân cho biết, đất rừng bên Lào còn nhiều, đất tốt nên năng suất cây trồng cao hơn hẳn.

Xét về tổng thể, mặc dù có những chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhưng sau mấy thập kỷ thực hiện ĐCĐC, canh tác nương rẫy vẫn giữ vai trò quan trọng nhất trong đời sống kinh tế của người Hmông ở Nghệ An. Do đây là sinh kế chủ yếu nên khi đất đai không đáp ứng được nhu cầu lương thực, một bộ phận người Hmông đã và đang phải du canh và di dân tự do.

2.2. Canh tác lúa nước

Kể từ đầu những năm 1960, theo chủ trương đẩy mạnh khai hoang làm ruộng nước để thực hiện ĐCĐC, các hợp tác xã ở vùng Hmông bắt đầu vận động nhân dân khai hoang làm ruộng nước đã mở ra một hình thức canh tác mới mẻ cho bà con. Từ những năm 1990 trở đi, huyện Kỳ Sơn tiếp tục triển khai các dự án khai hoang, làm thủy lợi trên toàn huyện để tạo ra tư liệu sản xuất định canh cho người dân. Vì thế, nhiều hộ người Hmông ở các xã Na Loi, Na Ngoi, Đoạc Mạy, Mường Ải... đã khai hoang thêm hàng chục héc-ta đất bằng và ruộng nước. Các giống lúa mới được đưa vào sản xuất đại trà (Hoàng Xuân Lương, 2000). Đáng chú ý là mặc dù thời gian canh tác lúa nước chưa lâu nhưng người Hmông ở Tây Nghệ An đã khá thuần thục thâm canh và làm đất gieo cấy chủ yếu bằng sức kéo gia súc.

Tuy nhiên, do địa hình hiểm trở và nguồn nước khan hiếm, việc khai hoang ruộng nước ở vùng người Hmông đã không

tiên triển được là bao. Những địa hình nào có thể làm ruộng nước đã được khai thác triệt để trong những thập kỷ 70, 80 của thế kỷ trước. Tại hai bản khảo sát, cả thảy có 5ha ruộng nước trong tổng số 264 hộ dân nhưng chỉ một nửa diện tích cây được hai vụ. Diện tích và năng suất lúa nước ở vùng Hmông nhìn chung là thấp. Theo kết quả khảo sát, chỉ có 10,4% số hộ điều tra đang canh tác lúa nước kết hợp với nương rẫy. Số hộ làm ruộng nước tập trung ở bản Sơn Hà nhưng cũng chỉ có 13/62 hộ trong bản có ruộng nước. Năng suất lúa nước đạt 2,16 tấn/ha/vụ, cao gấp hai lần lúa rẫy. Sản lượng lúa nước cũng chỉ bổ sung thêm một phần vào nhu cầu lương thực cho một số hộ dân bởi có nhiều hộ đang canh tác ruộng nước vẫn trong tình trạng thiếu lương thực.

2.3. Kinh tế vườn và thâm canh vườn

Trước đây, trong các bản Hmông ở địa phương đã xuất hiện lẻ tẻ các hộ có vườn nhà. Kể từ khi ĐCĐC, đồng bào được vận động làm vườn và thâm canh vườn. Nay, đồng bào có 3 loại vườn: vườn nhà, vườn cây ăn quả trong vùng sản xuất, vườn rừng. Hơn 70% các hộ dân tại hai bản điều tra đã có vườn nhà. Vườn cây ăn quả, vườn rừng chỉ có khoảng 10 năm trở lại đây. Đây là loại vườn riêng của các hộ gia đình trên đất rừng được giao hoặc rừng cộng đồng của bản. Năm năm qua, do hỗ trợ từ các chương trình dự án, một số hộ dân Hmông bắt đầu trồng cây lấy gỗ hay cây công nghiệp trên đất rừng sản xuất đã bạc màu. Nhiều loại cây được các dự án trợ cấp cây giống và hướng dẫn kỹ thuật như: mét, keo, sồi, cây chủ thả cánh kiến. Do mới đưa vào sản xuất nên vườn rừng chưa đem lại thu nhập cho bà con như vườn cây ăn quả. Hiện nhiều bản có trên

40% số hộ đã trồng cây chủ thả cánh kiến, mật, đào Úc ở vườn rừng cho thu nhập bình quân vài triệu đồng/hộ/năm.

Bên cạnh đó, tại các bản, đồng bào Hmông còn bắt đầu xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp như VACR (vườn - ao - chuồng - rừng). Trong ba năm qua, tại hai bản Sơn Hà và Trường Sơn, bà con đã xây dựng được 66 trang trại theo mô hình VACR. Quy mô mỗi trang trại rộng vài hécta trở lên. Nhưng do trang trại mới đi vào sản xuất nên hiệu quả kinh tế chưa được khẳng định.

2.4. Kinh tế rừng và các hoạt động kinh tế gắn với rừng

Trong cuộc sống du canh, người Hmông luôn gắn bó với rừng. Săn bắn hái lượm và khai thác lâm sản vốn là một hoạt động thường xuyên của đồng bào. Hiện nay, công tác quản lý rừng do các lâm trường của tỉnh, phòng nông nghiệp và hạt kiểm lâm huyện cùng chính quyền xã đảm nhiệm. Phần lớn đất rừng đã giao cho các hộ dân và các bản quản lý. Mỗi bản có một số hộ được nhận khoán nuôi và bảo vệ rừng theo địa giới truyền thống giữa các bản trong xã. Thực hiện chủ trương của tỉnh, xã đang tiếp tục giao đất, giao rừng cho người dân, vận động nhân dân mở rộng mô hình VACR, tăng diện tích trồng rừng theo kế hoạch của các dự án nông - lâm. Tại bản Sơn Hà, rừng khoán nuôi bảo vệ là 900ha được giao cho 50 hộ quản lý. Tại Trường Sơn, Ban quản lý bản nhận trách nhiệm quản lý bảo vệ 72,5ha rừng phòng hộ với tổng số tiền công là 7 triệu đồng/năm.

Do sinh kế đa dạng hơn, nhất là do rừng bị suy thoái và đã có chủ quản lý, hoạt động săn bắn hái lượm và khai thác lâm sản ở

vùng Hmông đã giảm sút mạnh so với trước. Vì thế, có tới 88% số hộ điều tra không còn đi săn bắn, 47% số hộ vẫn duy trì hái lượm nhưng đều trả lời rằng đối tượng thu hái ngày càng khan hiếm và sản phẩm thu hái ngày càng ít. Ngoài ra, người dân còn khai thác gỗ và củi để sử dụng và đem bán.

2.5. Chăn nuôi

Trước những năm 1980, chăn nuôi của người Hmông là một nghề phụ gia đình, chủ yếu phục vụ đời sống sinh hoạt và một phần đem trao đổi. Hiện nay, chăn nuôi đã đem lại nguồn thu nhập thứ hai cho nông hộ sau nương rẫy. Ý thức chăn nuôi mang tính hàng hóa đã thâm nhập vào đời sống người dân. Do giá trị kinh tế cao, sản phẩm chăn nuôi chủ yếu dành để bán. Kết quả điều tra hộ cho thấy, số gia súc gia cầm được nuôi nhiều nhất là: bò, lợn, gà; bình quân 2,8 con bò/hộ.

Các giống vật nuôi chủ yếu là giống địa phương. Bà con nuôi nhiều lợn đen, gà đen vì giá trị kinh tế cao và được tiêu thụ mạnh. Người dân còn phát triển nghề nuôi cá, chiếm 24% số hộ khảo sát. Hơn 50% số hộ tại hai bản đã có chuồng chăn nuôi. Người dân đã ứng dụng kỹ thuật trồng cỏ voi để vỗ béo đàn bò. Hàng năm, các chương trình dự án đã hỗ trợ một số con giống cho bà con, vận động và hỗ trợ làm chuồng trại, hỗ trợ vắc xin tiêm phòng dịch, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi. Qua phỏng vấn hộ và thảo luận nhóm được biết, những khó khăn chính mà đồng bào đang phải đối mặt trong chăn nuôi là thiếu vùng chăn thả (71,6%), dịch bệnh (31%), thiếu giống, vốn (15%).

2.6. Thủ công nghiệp

Hiện nay, các nghề thủ công của người Hmông ở địa phương có quy mô nhỏ bé và

đang bị mai một. Trong số hộ điều tra, 21% hộ biết nghề rèn nhưng chỉ để phục vụ gia đình; 34% hộ biết đan lát nhưng chỉ có 3 hộ có sản phẩm để bán. Mặc dù không còn giữ nghề dệt vải nhưng phụ nữ Hmông thường tranh thủ thời gian để thêu thùa và cắt may một số bộ phận trong bộ nữ phục truyền thống (thắt lưng, yếm, khăn đội đầu, tay áo) để dùng và đem bán, chiếm 37% số hộ điều tra. Một người có thể làm được 2 - 3 chiếc thắt lưng trong một tháng, thu nhập bình quân khoảng 300.000 - 400.000 đồng/tháng.

Một số nghề thủ công mới đã xuất hiện ở vùng người Hmông. Tại hai bản nghiên cứu, có 19% số hộ khảo sát biết nghề làm mộc dựng nhà, làm bàn ghế, đóng cửa panô theo kỹ thuật làm mộc của người Kinh; 3 hộ làm nghề cắt may quần áo theo kiểu phổ thông, 1 hộ có nghề chế tác kim hoàn.

2.7. Trao đổi mua bán

Bước vào thời kỳ Đổi mới, do tác động của nền kinh tế thị trường và sản xuất hàng hóa, việc mua bán trao đổi ở vùng Hmông đã phát triển khá nhanh. Ở vùng Hmông, tỉnh Nghệ An đã xây dựng được 5 chợ vùng thuộc các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương. Tại các bản Hmông đều có một vài hộ bán hàng tạp hóa. Đặc biệt, có tới 47,7% số hộ điều tra có tham gia buôn bán mang tính thời vụ hoặc thường xuyên. Một bộ phận đồng bào thường đi buôn bán theo mùa khi nông nhàn. Một số phụ nữ ở địa phương thường đem các sản phẩm trang phục ra bán ở các vùng Hmông phía Bắc như: Hà Giang, Cao Bằng... Khảo sát 67 hộ, có 3 hộ buôn bán rau quả, 2 hộ buôn bán quần áo, 2 hộ bán tạp hóa, 1 hộ buôn hàng sắt, 1 hộ bán hàng thịt. Gần đây, đồng bào Hmông ở Tây Nghệ An rất phát triển buôn bán gia súc gia cầm để

cung cấp cho miền xuôi. Họ mở rộng thu mua bên Lào và Đông Bắc Thái Lan từ người đồng tộc, họ hàng. Các hộ anh em họ hàng thường góp vốn để buôn bán chung. Tại Sơn Hà và Trường Sơn, có tới 36% số hộ điều tra tham gia buôn bán trâu bò, trung bình thu lãi từ 300.000 đến 1 triệu đồng/con.

Tuy nhiên, nạn mua bán, vận chuyển dụng cụ từ Lào về còn diễn biến phức tạp trong cộng đồng Hmông ở địa phương. Tính riêng trong hai năm 2009 - 2010, lực lượng chức năng đã bắt giữ, khởi tố 101 vụ, 123 đối tượng, thu giữ số lượng đáng kể heroin và các tang vật khác.

2.8. Làm thuê và chuyển đổi lao động nông - công nghiệp

Trước đây, người Hmông thường quan niệm rằng, việc làm thuê là thấp kém và thường thuê mướn người Khơ-mú làm việc cho họ. Nay quan niệm ấy đã thay đổi bởi có 24% số hộ khảo sát đã đi làm thuê không những để ứng phó khi thiếu lương thực mà còn nhằm đem lại thu nhập ngoài nương rẫy. Song, người Hmông thường chỉ làm thuê cho người đồng tộc hoặc làm công cho các công trình xây dựng hạ tầng ở địa phương.

Bên cạnh đó, những năm gần đây, nhiều lao động Hmông đã rời làng bản đi làm công nhân ở các đô thị hoặc cho các công ty. Năm 2011, tại hai bản khảo sát, có 62 người đi làm công nhân, 10 người đi xuất khẩu lao động.

Nhìn chung, đời sống kinh tế ở vùng đồng bào Hmông Nghệ An đã có nhiều thay đổi trong những năm đổi mới. Nền kinh tế thị trường sản xuất hàng hóa từng bước thâm nhập và phát triển trong đời sống cộng đồng, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu cây trồng vật

nuôi đa dạng hơn. Đồng bào tiếp cận với các kỹ thuật sản xuất mới và từng bước áp dụng trong sản xuất. Hiệu quả của một số hoạt động sản xuất tăng lên đáng kể, các sản phẩm hàng hóa đa dạng và phong phú hơn. Thu nhập hộ gia đình tăng lên, đời sống người dân được cải thiện. Song, việc chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, cơ cấu cây trồng vật nuôi còn chậm, chủ yếu ở những địa bàn thuận lợi. Cuộc sống của người dân vẫn dựa vào sản xuất nương rẫy nhằm tự túc lương thực tại chỗ. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế. Tình trạng thiếu đất sản xuất diễn ra khá gay gắt. Nhiều nghề thủ công truyền thống có nguy cơ mai một. Việc tiêu thụ sản phẩm khó khăn, không ổn định. Trong khi đó, tình trạng buôn lậu gia tăng, nhất là buôn bán ma túy.

3. Những vấn đề đặt ra từ biến đổi kinh tế của người Hmông ở miền Tây Nghệ An hiện nay

Thực trạng biến đổi kinh tế của đồng bào Hmông ở miền Tây Nghệ An đã và đang đặt ra những vấn đề cần được xem xét, giải quyết.

Quan ngại hàng đầu hiện nay là tình trạng thiếu đất sản xuất ở các làng bản diễn ra khá gay gắt. Do giao đất giao rừng và sản xuất nương rẫy theo kiểu thâm canh làm đất đai dần kiệt màu cộng với sức ép dân số làm cho diện tích đất rừng sản xuất hiện nay không đáp ứng được nhu cầu lương thực. Có tới 79,1% số hộ Hmông được hỏi thiếu đất sản xuất. Một bộ phận người dân phải đi thuê mướn đất rẫy, xâm canh rừng hoặc liên kết sản xuất với đồng tộc ở bên kia biên giới. Đây là nguyên nhân chính của tình trạng di dân tự do trong khoảng 10 năm trở lại đây và tiếp tục có những diễn biến phức tạp trong

thời gian tới. Đồng bào vừa di dân nội địa vùng, di dân vào Tây Nguyên, nhưng chủ yếu sang Lào. Điều này gây ra những xáo trộn không nhỏ về an toàn trật tự xã hội trên địa bàn, ảnh hưởng đến tình cảm, niềm tin của cộng đồng Hmông địa phương; gây khó khăn trong quy hoạch sắp xếp dân cư nội địa và vùng biên giới, ảnh hưởng đến tình hình an ninh biên giới, quan hệ đối ngoại với nước bạn Lào.

Trong sản xuất, ngoài kỹ thuật canh tác cổ truyền của người dân, hiện chưa có bất cứ biện pháp kỹ thuật mới nào được áp dụng vào canh tác trên đất dốc để vừa tăng năng suất cây trồng vừa chống xói mòn đất. Vòng quay nương rẫy nhanh và việc phun thuốc trừ cỏ làm cho cây rừng khó có thể tái sinh trở lại. Trong đời sống kinh tế mới, một số kiến thức tộc người về sản xuất và môi trường rừng đã không có cơ sở để tồn tại.

Việc khai hoang, làm ruộng nước nhằm ổn định sản xuất của người dân nhưng đầu tư tốn kém, nhất là công tác thủy lợi nhưng hiệu quả không cao và khó có thể mở rộng thêm diện tích được nữa. Cho nên, hướng sản xuất này đã tỏ ra không còn thực sự phù hợp ở địa phương.

Làm vườn và thâm canh vườn đi đôi với trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng là một hướng đi đúng đắn để vừa phát huy được tri thức bản địa của đồng bào vừa đem lại hiệu quả lâu dài về nhiều mặt. Có điều, cần tăng cường công tác phổ biến khoa học kỹ thuật sản xuất, đầu tư cây trồng phù hợp điều kiện thổ nhưỡng. Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy mạnh việc trồng rừng, bảo vệ rừng nhưng phải quan tâm đến lợi ích thích đáng cho người dân vì những chi trả như thời gian qua là rất thấp. Có như vậy, bà con mới được

hưởng lợi từ rừng và gắn bó, bảo vệ rừng. Hiện nạn khai thác gỗ trái phép tiếp tục tàn phá rừng, dẫn tới suy thoái môi trường. Khai thác gỗ trái phép trong các khu vực rừng cấm có chiều hướng gia tăng và khó kiểm soát vừa làm cho rừng tiếp tục suy thoái vừa xảy ra các vụ việc căng thẳng giữa các chủ quản lý rừng với người dân địa phương.

Chăn nuôi đã và đang góp phần quan trọng cải thiện kinh tế hộ, phát huy được tiềm năng địa phương nhưng việc mở rộng chăn nuôi lại mâu thuẫn với trồng trọt và bảo vệ rừng. Nhiều làng bản thiếu vùng chăn thả gia súc dẫn đến gia súc phá hoại nương rẫy, cây rừng. Bởi vậy, chính quyền địa phương phải có quy hoạch chăn nuôi tốt, hỗ trợ người dân vốn và giống vật nuôi thích hợp; đồng thời, tăng cường công tác thú y, phòng chống dịch bệnh.

Tình trạng buôn lậu ma túy và buôn bán gia súc gia cầm trong cộng đồng Hmông từ bên kia biên giới vào nước ta đã gây ra những hậu quả tai hại. Một mặt, nó tạo ra hậu quả xã hội nghiêm trọng, lôi kéo một bộ phận người Hmông ở trong vùng và bên kia biên giới tham gia buôn bán trái pháp luật, xâm phạm an ninh biên giới và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Mặt khác, việc buôn bán trái phép gia súc gia cầm, các mặt hàng trốn thuế không chỉ làm thất thu ngân sách nhà nước mà còn làm lây nhiễm dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Những biến đổi kinh tế đáng kể trên đây cùng với sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ không nhỏ của Nhà nước đã góp phần quan trọng xóa đói giảm nghèo trong cộng đồng Hmông nhưng tỷ lệ đói nghèo của bà con còn cao so với tình hình chung toàn tỉnh và cả nước. Năm 2011, tỷ lệ hộ nghèo theo

chuẩn mới tại hai bản được nghiên cứu là 76,1%. So với tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn cả nước năm 2011 là 12,6% và ở tỉnh Nghệ An là 22,5% (Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê tóm tắt năm 2011). Tỷ lệ hộ thiếu lương thực lên đến 65,6%. Bình quân lương thực ở vùng Hmông vào cuối những năm 2000 chỉ đạt 750 kg/người/năm (Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, 2008, tr. 3).

Sau hơn bốn thập kỷ thực hiện ĐCĐC, phát triển kinh tế - xã hội, dường như chúng ta chưa tìm ra phương hướng sản xuất thích hợp cho người dân, mà chủ yếu chỉ tập trung vào sản xuất lương thực nhưng vẫn chưa đảm bảo được an ninh lương thực. Vùng đồng bào Hmông vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn. Công cuộc phát triển ở vùng cao còn thiếu bền vững bởi tình trạng dân số quá tải, rừng tiếp tục bị xâm hại, bản sắc tộc người bị phai nhạt, tỷ lệ đói nghèo cao, người dân tái du canh và di dân tự do... Các chương trình dự án phát triển của Nhà nước trong thời kỳ mới cần phải gắn với công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hóa, nhất là kinh tế rừng và chăn nuôi. Tùy từng vùng, chiến lược ĐCĐC không nhất thiết phải tập trung vào sản xuất lương thực tại chỗ hoặc phải khai hoang làm lúa nước mà có thể chuyển sang phát triển trồng cây công nghiệp, dược liệu, phát triển lâm nghiệp, chăn nuôi, phát triển mô hình trang trại nông lâm kết hợp.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An (2008), Báo cáo xây dựng đề án “Chính sách hỗ trợ đặc biệt về kinh tế nhằm thực hiện xóa đói giảm nghèo và tiến tới xóa bỏ tình trạng du canh, du cư tự do của người Mông”, Vinh.
2. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Kỳ Sơn (2010), *Lịch sử đảng bộ huyện Kỳ Sơn (1945 - 2005)*, Nxb Nghệ An.
3. Mạc Đường (1964), *Các dân tộc miền núi Bắc Trung Bộ (Sự phân bố dân cư và những đặc trưng văn hoá)*, Nxb Khoa học, Hà Nội.
4. Huyện uỷ - HĐND - UBND huyện Kỳ Sơn (1995), *Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn, Nghệ An*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hoàng Xuân Lương (2000), *Văn hóa người Mông ở Nghệ An*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Toàn (2014), *Định canh định cư và biến đổi kinh tế - xã hội của người Khơ mú và người Hmông*, Nxb Thế Giới, Hà Nội.
7. Vương Hoàng Tuyên (1966), *Sự phân bố dân tộc và cư dân ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. UBND tỉnh Nghệ An (2003), “Báo cáo tổng kết công tác Định canh định cư giai đoạn 1990-2002; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện từ nay đến năm 2010”, Vinh.
9. UBND tỉnh Nghệ An (2004), “Báo cáo sơ kết 5 năm (1999-2003) thực hiện chương trình 135 - CP và bản giải pháp thực hiện năm 2004-2005”, Vinh..
10. UBND tỉnh Nghệ An (11/2010), Báo cáo kết quả rà soát các dự án định canh định cư đã được phê duyệt, Vinh.
11. UBND tỉnh Nghệ An (12/2010), Báo cáo Tổng kết công tác dân tộc và thực hiện các chính sách dân tộc giai đoạn 2006-2010, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2011-2015, Vinh.